

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **48** /2013/QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày **04** tháng 11 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động
Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ và phát triển rừng, ngày 03/12/2004;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 03/12/2004;

Căn cứ Nghị định số 05/2008/NĐ-CP ngày 14/1/2008 của Chính phủ về Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng;

Căn cứ Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24/9/2010 của Chính phủ về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng;

Căn cứ Thông tư số 85/2012/TT-BTC ngày 25/5/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý tài chính đối với Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng;

Căn cứ Quyết định số 111/2008/QĐ-BNN ngày 18/11/2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc Ban hành Điều lệ mẫu về tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh;

Xét đề nghị của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh tại Văn bản số 18/QBVPTR ngày 17/10/2013, trên cơ sở ý kiến thống nhất của Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp số 823/BC-STP ngày 17/10/2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh.

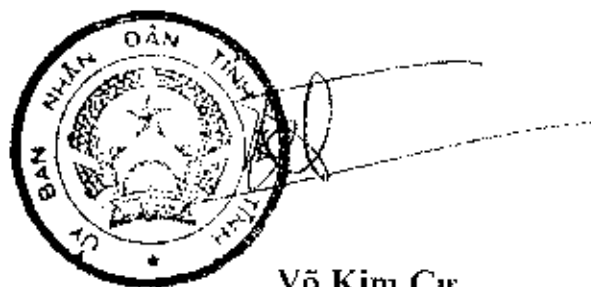
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; các Thành viên Hội đồng quản lý Quỹ; Giám đốc các Sở, ngành: Nội vụ, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Kho bạc nhà nước tỉnh; Trưởng Ban kiểm soát Quỹ, Giám đốc Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan và chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này ./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Tổng cục Lâm nghiệp;
- Vụ Pháp chế Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh,
Đoàn DBQH tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- UBMT Tổ quốc, các đoàn thể cấp tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Viện KSND tỉnh;
- Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh;
- Các Phó Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Võ Kim Cự

ĐIỀU LỆ

Tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh
(Ban hành theo Quyết định số 48/2013/QĐ-UBND
ngày 11/11/2013 của UBND tỉnh Hà Tĩnh)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Điều lệ này quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy, nguồn tài chính và hoạt động của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Hà Tĩnh theo quy định tại Nghị định số 05/2008/NĐ-CP ngày 14/01/2008 của Chính phủ về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng.

Điều 2. Địa vị pháp lý của Quỹ

1. Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh (sau đây gọi tắt là Quỹ) là tổ chức tài chính Nhà nước, trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh được thành lập theo Quyết định số 2956/QĐ-UBND ngày 10/10/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

2. Tên gọi của Quỹ:

a) Tên tiếng Việt: Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Hà Tĩnh.

b) Tên giao dịch quốc tế: Hà Tĩnh Forest Protection and Development Fund (Hà Tĩnh FPDF).

3. Quỹ có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, được mở tài khoản tại Ngân hàng và Kho bạc Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Mục đích thành lập và nguyên tắc hoạt động của Quỹ

1. Mục đích thành lập Quỹ:

a) Huy động các nguồn lực của xã hội để bảo vệ và phát triển rừng, góp phần thực hiện chủ trương xã hội hoá nghề rừng.

b) Nâng cao nhận thức và trách nhiệm đối với công tác bảo vệ và phát triển rừng của những người được hưởng lợi từ rừng hoặc có các hoạt động ảnh hưởng trực tiếp đến rừng.

c) Nâng cao năng lực và hiệu quả quản lý, sử dụng và bảo vệ rừng cho các chủ rừng, góp phần thực hiện chiến lược phát triển lâm nghiệp.

2. Nguyên tắc hoạt động của Quỹ:

a) Quỹ hoạt động không vì mục đích lợi nhuận, nhưng phải bảo toàn vốn ngân sách Nhà nước cấp ban đầu. Trên cơ sở đảm bảo tối đa, đa dạng hoá nguồn

thu và sử dụng hiệu quả ở mức cao nhất cho quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, theo quy định.

b) Quỹ hỗ trợ cho các chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án mà ngân sách Nhà nước chưa đầu tư hoặc chưa đáp ứng yêu cầu đầu tư.

c) Hoạt động của Quỹ phải đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả; sử dụng Quỹ đúng mục đích và phù hợp với các quy định của pháp luật.

d) Quỹ chịu sự kiểm tra, thanh tra, kiểm toán của các cơ quan nhà nước theo quy định.

Chương II

CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA QUỸ

Điều 4. Chức năng của Quỹ

1. Tiếp nhận vốn từ nguồn ngân sách tỉnh, vốn tài trợ, viện trợ từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

2. Tiếp nhận, quản lý nguồn vốn ủy thác từ các tổ chức cá nhân trong và ngoài nước để thực hiện các hoạt động theo hợp đồng ủy thác.

3. Tiếp nhận và quản lý các khoản đóng góp bắt buộc theo quy định tại Điều 10, Nghị định số 05/2008/NĐ-CP ngày 14/01/2008 của Chính phủ.

4. Thực hiện hỗ trợ vốn cho các chương trình, dự án, hoạt động phi dự án theo quy định tại Nghị định số 05/2008/NĐ-CP.

Điều 5. Nhiệm vụ và quyền hạn của Quỹ

1. Nhiệm vụ của Quỹ:

a) Tổ chức vận động, tiếp nhận và quản lý các khoản đóng góp bắt buộc; nguồn viện trợ, tài trợ, đóng góp tự nguyện, ủy thác của tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước; nguồn tài chính hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước.

b) Tổ chức thẩm định, xét chọn chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án trình cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc quyết định hỗ trợ đầu tư.

c) Hỗ trợ tài chính cho các chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án.

d) Chỉ đạo, hướng dẫn các đối tượng được hưởng nguồn tài chính do Quỹ hỗ trợ.

đ) Thực hiện các quy định của pháp luật về thống kê, kế toán và kiểm toán.

e) Thực hiện các nhiệm vụ khác do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giao hoặc quy định.

2. Quyền hạn của Quỹ:

a) Phân bổ kinh phí cho từng chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án theo kế hoạch hàng năm do Quỹ xây dựng và thông qua Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt.

b) Kiểm tra, đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án được Quỹ hỗ trợ.

c) Đình chỉ, thu hồi kinh phí đã hỗ trợ khi phát hiện tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn vi phạm cam kết về sử dụng kinh phí hoặc vi phạm các quy định khác của pháp luật liên quan.

d) Kiến nghị với cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền ban hành, bổ sung, sửa đổi các quy định về đối tượng, hoạt động được hỗ trợ từ Quỹ.

d) Trường hợp Quỹ nhận được các khoản hỗ trợ, viện trợ trực tiếp từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước có kèm theo thỏa thuận riêng thì thực hiện theo thỏa thuận đó nhưng không được trái với mục đích và nguyên tắc hoạt động của Quỹ và pháp luật Việt Nam.

Chương III NGUỒN VỐN VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

Điều 6. Nguồn tài chính hình thành Quỹ

1. Ngân sách tỉnh cấp hỗ trợ khi thành lập Quỹ là 10 tỷ đồng (Mười tỷ đồng) và phải bảo toàn nguồn vốn cấp ban đầu.

2. Nguồn thu từ các khoản đóng góp bắt buộc của các đối tượng quy định tại Điều 10 Nghị định số 05/2008/NĐ-CP trừ các trường hợp được miễn, giảm tiền đóng góp, bao gồm:

a) Nguồn thu từ các chủ rừng khi còn khai thác, kinh doanh gỗ trong những trường hợp sau đây:

- Tổ chức kinh tế được Nhà nước giao rừng sản xuất không thu tiền sử dụng rừng;

- Tổ chức kinh tế được Nhà nước giao rừng sản xuất có thu tiền sử dụng rừng hoặc nhận chuyển nhượng rừng nhưng tiền sử dụng rừng, tiền chuyển nhượng rừng đã trả có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước;

- Hộ gia đình, cá nhân được giao rừng sản xuất không thu tiền sử dụng rừng.

b) Nguồn thu từ cơ sở kinh doanh cảnh quan, nghỉ dưỡng, dịch vụ sinh thái - môi trường rừng.

c) Nguồn thu từ các dự án đầu tư phải khai thác rừng để giải phóng mặt bằng và có yêu cầu phải trồng lại rừng nhưng không có điều kiện.

3. Nguồn thu từ các đối tượng sử dụng dịch vụ môi trường rừng sau khi trừ các chi phí hợp lý theo quy định tại Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24/9/2010, bao gồm:

a) Các cơ sở sản xuất thủy điện;

b) Các cơ sở sản xuất và cung ứng nước sạch;

c) Các cơ sở sản xuất công nghiệp có sử dụng nước trực tiếp từ nguồn nước;

d) Các tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ du lịch có hưởng lợi từ dịch vụ môi trường rừng;

e) Các đối tượng phải trả tiền dịch vụ môi trường rừng cho dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các bon của rừng; dịch vụ cung ứng bãi đẻ, nguồn thức ăn và con giống tự nhiên, sử dụng nguồn nước từ rừng cho nuôi trồng thủy sản theo quy định.

4. Tiền đầu tư trồng rừng thay thế của các dự án khi chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang mục đích không phải lâm nghiệp nhưng chủ dự án không có điều kiện thực hiện.

5. Tiền bồi thường cây cối khi chuyển rừng, đất lâm nghiệp sang mục đích khác không phải lâm nghiệp.

6. Nguồn thu từ tiền bán đấu giá cây đứng, sản lượng gỗ do Nhà nước quản lý được phép khai thác sau khi nộp thuế tài nguyên, chi trả các khoản chi phí hợp lý theo quy định.

7. Tài trợ, đóng góp tự nguyện của các tổ chức quốc tế; các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước.

8. Kinh phí các chương trình, dự án có quy định hoàn trả nộp Quỹ.

9. Vốn nhận ủy thác từ các tổ chức quốc tế, tổ chức và cá nhân trong nước và ngoài nước; từ các Quỹ và các nguồn tài chính khác.

10. Nguồn hỗ trợ từ Quỹ Trung ương.

11. Lãi tiền gửi các tổ chức tín dụng.

12. Các nguồn tài chính hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Đối tượng và nội dung được hỗ trợ

1. Đối tượng được hỗ trợ là các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư có chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án theo các nội dung quy định tại Khoản 2 điều này.

2. Các nội dung được hỗ trợ:

Tùy theo điều kiện cụ thể của quỹ ở từng cấp, nội dung các chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án được xem xét, hỗ trợ bao gồm:

a) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, và triển khai thực hiện chính sách, pháp luật về Bảo vệ và Phát triển rừng.

b) Thử nghiệm và phổ biến, nhân rộng mô hình quản lý và phát triển rừng bền vững.

c) Hỗ trợ kinh phí để chống chặt, phá rừng và sản xuất, kinh doanh, vận chuyển lâm sản trái phép.

d) Thử nghiệm, ứng dụng giống cây trồng lâm nghiệp mới.

đ) Hỗ trợ trồng cây phân tán.

e) Phát triển lâm sản ngoài gỗ trên đất lâm nghiệp.

g) Đào tạo nguồn nhân lực cho việc bảo vệ và phát triển rừng ở địa phương.

h) Thực hiện Chương trình, Dự án hoặc các hoạt động phi dự án khác do các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước uỷ thác.

i) Thực hiện đầu tư trồng rừng thay thế của các dự án khi chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang mục đích không phải lâm nghiệp.

k) Hỗ trợ làm vườn ươm giống cây lâm nghiệp, đường băng cản lửa, phòng cháy, chữa cháy rừng.

Điều 8. Điều kiện được hỗ trợ

1. Chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án phù hợp với nội dung được hỗ trợ quy định tại Khoản 2 Điều 7 Điều lệ này và được cấp có thẩm quyền quyết định.

2. Tổ chức được hỗ trợ có đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn về lâm nghiệp và kinh nghiệm thực hiện chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án thực hiện nhiệm vụ bảo vệ và phát triển rừng.

3. Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn được hỗ trợ có đủ năng lực dân sự thực hiện chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án do Quỹ hỗ trợ.

4. Có cam kết hoàn trả toàn bộ hoặc một phần vốn nếu nguồn hỗ trợ có điều kiện phải hoàn trả.

Điều 9. Phương thức hỗ trợ tài chính của Quỹ

1. Hỗ trợ không hoàn lại toàn phần hoặc một phần vốn cho việc thực hiện các chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án được quy định tại Điều 7 Điều lệ này.

2. Giao Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Sở Tài chính xây dựng trình tự, thủ tục, đối tượng được hỗ trợ không hoàn lại toàn phần hoặc một phần vốn tùy theo từng loại chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án; đồng thời quy định mức hỗ trợ, thời gian hoàn trả khoản hỗ trợ, các trường hợp được xét miễn, giảm khoản kinh phí phải hoàn trả, trình UBND tỉnh quyết định ban hành.

3. Danh mục ưu tiên hỗ trợ tài chính của Quỹ bao gồm:

a) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến và triển khai thực hiện chính sách, pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng.

b) Dự án trồng rừng phòng hộ, sản xuất, trồng cây phân tán; phát triển lâm sản ngoài gỗ trên đất lâm nghiệp; mô hình thử nghiệm, ứng dụng giống cây trồng lâm nghiệp mới; thử nghiệm và phổ biến, nhân rộng mô hình bảo vệ và phát triển rừng, quản lý rừng bền vững.

c) Trồng rừng thay thế các dự án khi chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang mục đích không phải lâm nghiệp.

d) Dự án đầu tư ứng dụng hoặc nghiên cứu thử nghiệm thuộc Chương trình bảo vệ rừng bền vững và bảo tồn đa dạng sinh học tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2011 – 2020.

đ) Hỗ trợ làm vườn ươm giống cây lâm nghiệp, đường băng cản lửa, phòng cháy, chữa cháy rừng.

c) Các dự án, chương trình, hoạt động và nhiệm vụ khác do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định phù hợp với từng thời kỳ.

Chương IV **CƠ CẤU TỔ CHỨC**

Điều 10. Cơ cấu tổ chức của Quỹ

Cơ cấu tổ chức của Quỹ gồm: Hội đồng quản lý Quỹ, Ban Kiểm soát và bộ máy điều hành nghiệp vụ Quỹ (ủy thác cho Quỹ Đầu tư phát triển).

Điều 11. Tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ

1. Cơ cấu tổ chức

Theo Khoản 1 Điều 3 Quyết định số 2956/QĐ-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2012 về việc thành lập Quỹ bảo vệ và phát triển rừng.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản lý Quỹ.

Theo Điều 2, Quyết định 961 QĐ/UBND ngày 11/4/2013 của UBND tỉnh về việc thành lập Hội đồng quản lý Quỹ bảo vệ và phát triển rừng tỉnh.

3. Nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ:

Chủ tịch Hội đồng là Phó Chủ tịch UBND tỉnh do Chủ tịch UBND tỉnh Hà Tĩnh quyết định bổ nhiệm, có nhiệm vụ và quyền hạn được quy định như sau:

a) Thay mặt Hội đồng quản lý Quỹ, cùng Giám đốc Quỹ ký nhận vốn và các nguồn lực khác do Nhà nước giao cho Quỹ.

b) Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của Hội đồng quản lý Quỹ theo quy định tại khoản 2 Điều này.

c) Thay mặt Hội đồng quản lý Quỹ ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản lý Quỹ.

d) Tổ chức theo dõi và giám sát việc thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ; có quyền huỷ bỏ các quyết định của Giám đốc Quỹ trái với nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ.

d) Trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ ủy quyền cho Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý hoặc cho Ủy viên Hội đồng quản lý Quỹ thực hiện một số nhiệm vụ thuộc thẩm quyền. Người được ủy quyền chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ về các công việc được ủy quyền.

e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

4. Chế độ làm việc của Hội đồng quản lý Quỹ

a) Hội đồng quản lý Quỹ làm việc theo chế độ tập thể, họp thường kỳ tối thiểu 3 tháng một lần để xem xét và quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền và trách nhiệm của Hội đồng quản lý Quỹ. Khi cần thiết, Hội đồng quản lý Quỹ có thể họp bất thường để giải quyết các vấn đề cấp bách của Quỹ theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ, hoặc theo đề nghị của Giám đốc Quỹ hoặc Trưởng Ban kiểm soát, sau khi được Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ chấp thuận.

b) Các cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ chỉ có hiệu lực khi có ít nhất 2/3 số Ủy viên của Hội đồng tham dự. Ủy viên Hội đồng vắng mặt phải thông báo lý do vắng bằng văn bản. Cuộc họp do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ hoặc một Phó Chủ tịch HĐQT được Chủ tịch ủy quyền trong trường hợp Chủ tịch vắng mặt làm Chủ tọa. Trong trường hợp cấp bách, việc xin ý kiến các Ủy viên Hội đồng quản lý Quỹ có thể được thực hiện bằng văn bản.

c) Tài liệu họp phải được chuẩn bị và gửi tới các Ủy viên Hội đồng quản lý trước ngày họp (tối thiểu trước 3 ngày làm việc). Nội dung cuộc họp phải được ghi chép đầy đủ vào biên bản họp.

d) Hội đồng quản lý Quỹ quyết định các vấn đề theo nguyên tắc đa số, mỗi Ủy viên Hội đồng quản lý có một phiếu biểu quyết ngang nhau. Các quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ có hiệu lực khi có ít nhất 50% trở lên tổng số ủy viên trong Hội đồng có mặt biểu quyết tán thành. Trường hợp số phiếu biểu quyết ngang nhau thì ý kiến theo phiếu của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ là quyết định cuối cùng) Ủy viên của Hội đồng quản lý có quyền bảo lưu ý kiến của mình và báo cáo lên Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

đ) Nội dung và kết luận của các cuộc họp Hội đồng quản lý Quỹ phải được ghi rõ trong biên bản cuộc họp được Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ ký, trong một số trường hợp đặc biệt có thể được tất cả các Ủy viên tham dự cuộc họp ký. Kết luận của cuộc họp được thể hiện bằng Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ và phải được gửi tới tất cả các Ủy viên của Hội đồng quản lý Quỹ.

e) Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ thay mặt Hội đồng ký ban hành các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hậu quả phát sinh từ các quyết định đó. Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ có thể ủy quyền bằng văn bản cho một ủy viên Hội đồng ký thay.

g) Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ có tính bắt buộc thi hành đối với hoạt động của Quỹ. Giám đốc Quỹ có trách nhiệm tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định đó. Giám đốc Quỹ có quyền đề nghị Hội đồng quản lý Quỹ xem xét lại hoặc bảo lưu ý kiến và báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nhưng trong thời gian chưa có quyết định khác của Hội đồng quản lý Quỹ hay quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh thì vẫn phải chấp hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ.

Điều 12. Tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Quỹ

1. Cơ cấu tổ chức Ban kiểm soát Quỹ

a) Ban kiểm soát gồm có 03 thành viên, giúp Hội đồng quản lý Quỹ giám sát hoạt động của bộ máy điều hành Quỹ. Thành viên Ban Kiểm soát hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm.

b) Trưởng ban kiểm soát Quỹ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Hội đồng quản lý Quỹ. Các thành viên khác của Ban kiểm soát Quỹ do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ bổ nhiệm theo đề nghị của Trưởng ban kiểm soát Quỹ.

c) Về cơ cấu, thành phần tham gia Ban kiểm soát: Trưởng ban Kiểm soát do Quỹ Đầu tư phát triển giới thiệu, hai thành viên còn lại cơ cấu thành phần Sở

Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn do Giám đốc Quỹ tham mưu trình Chủ tịch HĐQT xem xét bổ nhiệm.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát Quỹ hoạt động theo quy chế do Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt. Ban Kiểm soát có các nhiệm vụ và quyền hạn sau:

a) Giám sát, kiểm tra các hoạt động của Quỹ để kịp thời phát hiện và báo cáo ngay với Hội đồng quản lý Quỹ, trong trường hợp cần thiết thì báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh về những hoạt động không bình thường, có dấu hiệu vi phạm pháp luật, hoặc các vi phạm trong việc quản lý tài chính của bộ máy điều hành Quỹ.

b) Không được tiết lộ kết quả kiểm tra, kiểm soát khi chưa được Hội đồng quản lý Quỹ chấp thuận.

c) Trường Ban kiểm soát Quỹ phải chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Hội đồng quản lý Quỹ và pháp luật về những tiêu cực hoặc bỏ qua các hành vi vi phạm đã phát hiện; về các thiệt hại của Quỹ nếu để tiết lộ kết quả kiểm tra, kiểm soát khi chưa có sự chấp thuận của Hội đồng quản lý Quỹ.

d) Trường hợp đột xuất, vì lợi ích của Quỹ và trách nhiệm của Ban Kiểm soát, Trường ban kiểm soát Quỹ có quyền báo cáo trực tiếp với Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ hoặc Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 13. Tổ chức và hoạt động của bộ máy điều hành Quỹ

1. Cơ cấu tổ chức, gồm: Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng và bộ phận nghiệp vụ.

a) Giám đốc, Phó Giám đốc và Kế toán trưởng Quỹ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Hội đồng quản lý Quỹ và hoạt động theo chế độ chuyên trách.

b) Bộ phận nghiệp vụ được uỷ thác cho Quỹ Đầu tư phát triển.

Trong quá trình thực hiện, Ban Giám đốc Quỹ có thể ký hợp đồng lao động với cán bộ có chuyên môn, kinh nghiệm về lâm nghiệp để thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu với số lượng phù hợp nhưng không quá 6 người/năm, chi phí lương được hạch toán vào chi phí quản lý của Quỹ bảo vệ và phát triển rừng.

2. Giám đốc Quỹ

Giám đốc Quỹ là người đại diện pháp nhân của Quỹ, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản lý Quỹ và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động nghiệp vụ của Quỹ, có các nhiệm vụ và quyền hạn sau:

a) Đại diện pháp nhân của Quỹ trước pháp luật trong việc tố tụng, tranh chấp, giải thể và những vấn đề thuộc phạm vi điều hành tác nghiệp của Quỹ.

b) Xây dựng kế hoạch hoạt động dài hạn và hàng năm; xây dựng kế hoạch huy động vốn, kế hoạch tài chính trình Hội đồng quản lý Quỹ thông qua.

c) Chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch đã được duyệt và các hoạt động khác của Quỹ phù hợp với quy định tại Điều lệ Quỹ và các quy định khác có liên quan.

d) Căn cứ Quy chế hoạt động nghiệp vụ do Hội đồng quản lý Quỹ ban hành, ban hành quy trình nghiệp vụ hoạt động của Quỹ.

d) Thực hiện báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về các hoạt động của Quỹ cho Hội đồng quản lý Quỹ, Ủy ban nhân dân tỉnh và các Sở, ban, ngành theo quy định của Pháp luật.

e) Thực hiện một số, nhiệm vụ, quyền hạn khác của Quỹ do Hội đồng quản lý Quỹ uỷ nhiệm nhưng không được trái với quy định tại Nghị định số 05/2008/NĐ - CP.

3. Phó Giám đốc Quỹ.

Phó Giám đốc Quỹ là người giúp việc cho Giám đốc Quỹ, chịu trách nhiệm trước Giám đốc Quỹ, trước Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ và trước pháp luật về phần việc được Giám đốc phân công;

4. Kế toán trưởng Quỹ.

Kế toán trưởng Quỹ là người giúp việc cho Giám đốc Quỹ, có trách nhiệm và quyền hạn theo quy định của Luật Kế toán, chịu trách nhiệm trước Giám đốc quỹ và trước pháp luật về nhiệm vụ được giao.

5. Các bộ phận nghiệp vụ

Các bộ phận nghiệp vụ có trách nhiệm tham mưu và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ do Giám đốc Quỹ giao, chịu trách nhiệm trước Giám đốc Quỹ và trước pháp luật về công việc được giao.

Điều 14. Kinh phí hoạt động, chế độ lương, phụ cấp của Hội đồng quản lý Quỹ, Ban kiểm soát và Bộ máy điều hành Quỹ.

1. Kinh phí hoạt động chế độ lương, phụ cấp của Hội đồng quản lý Quỹ, Ban kiểm soát Quỹ và Bộ máy điều hành Quỹ do Quỹ chi trả và được tính vào chi phí quản lý Quỹ theo quy định hiện hành.

2. Các thành viên chuyên trách được hưởng chế độ tiền lương, thưởng, phụ cấp theo quy định hiện hành áp dụng đối với đơn vị sự nghiệp có thu. Các thành viên làm việc theo chế độ kiêm nhiệm được hưởng các khoản phụ cấp theo quy định về chế độ kiêm nhiệm.

Điều 15. Mọi quan hệ với Quỹ Trung ương và Quỹ cấp dưới

1. Đối với Quỹ Trung ương

a) Tiếp nhận, quản lý, sử dụng các khoản hỗ trợ từ Quỹ Trung ương;

b) Báo cáo tình hình quản lý và sử dụng, đồng thời chịu sự kiểm tra, giám sát của Quỹ Trung ương đối với nguồn vốn do Quỹ Trung ương hỗ trợ.

2. Đối với Quỹ cấp dưới.

a) Hỗ trợ kinh phí cho Quỹ cấp dưới (huyện, xã) trong khuôn khổ và khả năng tài chính của Quỹ.

b) Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc quản lý và sử dụng nguồn kinh phí do Quỹ hỗ trợ đối với các Quỹ cấp dưới;

c) Hướng dẫn, trao đổi kinh nghiệm về nghiệp vụ quản lý .

Chương V

CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Điều 16. Chế độ tài chính, kế toán, kiểm toán

1. Chế độ tài chính, kế toán của Quỹ thực hiện theo quy định do Bộ Tài chính ban hành.
2. Quỹ phải tổ chức bộ máy kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán.
3. Chế độ kiểm toán: thực hiện Kiểm toán theo quy định của pháp luật. Báo cáo tài chính của Quỹ phải được một tổ chức kiểm toán độc lập kiểm toán.

Chương VI

CƠ CHẾ ỦY THÁC

Điều 17. Nhận uỷ thác

1. Quỹ được nhận uỷ thác của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo hợp đồng uỷ thác.
2. Quỹ tổ chức tiếp nhận uỷ thác tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng của bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng trả tiền cho bên cung ứng dịch vụ môi trường rừng theo quy định tại Nghị định 99/2010/NĐ-CP ngày 24/9/2010.
3. Quỹ được hưởng mức phí dịch vụ nhận uỷ thác, mức phí do các bên thoả thuận và ghi trong hợp đồng nhận uỷ thác.

Điều 18. Uỷ thác quản lý Quỹ

1. Uỷ ban nhân dân tỉnh uỷ thác cho Quỹ Đầu tư phát triển quản lý Quỹ bảo trì và phát triển rừng tỉnh, theo quy định tại Điều 4 Quyết định số 2956/QĐ-UBND ngày 10/10/2012 của UBND tỉnh về việc thành lập Quỹ bảo vệ và phát triển rừng tỉnh.
2. Quỹ trả phí dịch vụ uỷ thác cho Quỹ Đầu tư phát triển và hạch toán vào nội dung chi của Quỹ.
3. Mức phí uỷ thác
 - a) Mức phí uỷ thác bằng 3%/năm trên tổng nguồn vốn uỷ thác hàng năm. Phí uỷ thác được sử dụng để chi trả chế độ cho bộ phận quản lý uỷ thác và các chi phí khác có liên quan đến công tác quản lý uỷ thác Quỹ.
 - b) Mức phí uỷ thác được xem xét, điều chỉnh hợp lý hàng năm trên cơ sở nguồn vốn uỷ thác.
4. Uỷ ban nhân dân tỉnh uỷ quyền cho Sở Tài chính ký hợp đồng uỷ thác với Quỹ Đầu tư phát triển.

Chương VII

XỬ LÝ TRANH CHẤP, TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ

Điều 19. Xử lý tranh chấp

Mọi tranh chấp giữa Quỹ với pháp nhân và thể nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động của Quỹ được xử lý theo pháp luật hiện hành.

Điều 20. Tổ chức lại, giải thể Quỹ

Việc tổ chức lại, hoặc giải thể Quỹ do Hội đồng quản lý Quỹ đề nghị UBND tỉnh quyết định; các trường hợp khác thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 21. Tổ chức lại, sáp nhập, thành lập mới các đơn vị thuộc Quỹ

Việc tổ chức lại, sáp nhập, thành lập mới các đơn vị, phòng, ban nghiệp vụ trực thuộc bộ máy điều hành của Quỹ do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ quyết định theo đề nghị của Giám đốc Quỹ, trên cơ sở phương thức tổ chức bộ máy quản lý đã được UBND cấp tỉnh phê duyệt.


Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Điều khoản thi hành

1. Hội đồng quản lý, Ban Kiểm soát, Giám đốc Quỹ có trách nhiệm thực hiện theo quy định của Điều lệ này.

2. Trong quá trình thực hiện, Quỹ có trách nhiệm tổng kết hoạt động, đề xuất UBND tỉnh quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ này (nếu cần thiết)/.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN 
CHỦ TỊCH



Võ Kim Cự

